

Bản án số: 154/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Đinh Văn Sự

Bà Đào Đắc Cẩm Tú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Lâm Văn C**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ. (có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp T, xã N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2026 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lâm Văn C trình bày: anh Lâm Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 01 tháng 10 năm 2014 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống với nhau có 01 đứa con là cháu Lâm Khã M (nam), sinh ngày 15/9/2006. Hiện cháu M đã trưởng thành có cuộc sống riêng. Đến nay tình cảm của hai vợ chồng rạn nứt, xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Nay anh Lâm Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn C yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Gồm có 01 đứa con là cháu Lâm Khã M (nam), sinh ngày 15/9/2006, hiện cháu M đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị T nhưng chị T không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh C, đồng thời chị T cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho chị Nguyễn Thị T nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do, anh Lâm Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 25/02/2026 anh Lâm Văn C yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại ấp T, xã N, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Văn C nhận thấy anh C và chị T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2006, đến năm 2014 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã H, thành phố Cần Thơ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/10/2014. Quan hệ hôn nhân của anh C và chị T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau, thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Anh C nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên có nguyện vọng ly hôn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị T.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau anh C và chị T có 01 con chung là cháu Lâm Khã M (nam), sinh ngày 15/9/2006, hiện đã thành niên có khả năng tự nuôi sống bản thân, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh C khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh C khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Anh C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lâm Văn C đối với bị đơn chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Cháu Lâm Khã M, sinh năm 2006 hiện đã thành niên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Anh Lâm Văn C khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh Lâm Văn C khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Anh Lâm Văn C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), theo lai số 0004440 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, anh C đã thực hiện xong. Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ (Phòng GD, TT, KT & THA);
- VKSND khu vực 8 - Cần Thơ;
- Dương sự;
- Phòng THADS khu vực 8 - Cần Thơ;
- UBND xã Hòa Tú;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng

